

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 9 năm 2018	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	13 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800408245, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 21 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Điện thoại : 02633 520 290
- Fax : 02633 825 291

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông sản thực phẩm;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại, đầu tư tài chính;
- Trồng và sản xuất các loại cây nông sản.
- Kinh doanh thiết bị máy móc chuyên dùng để chế biến thực phẩm và sản phẩm của doanh nghiệp;
- Điều hành tua du lịch;
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/Bổ nhiệm
Ông Đỗ Thành Trung	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Ông Nghiêm Văn Thắng	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Bà Doãn Thị Thu Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Ông Milan Novosad	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Phạm Thu Hiền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Anh Xuân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đỗ Thành Trung	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Hữu Thụy	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018
Bà Phan Thị Cúc Hương	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2017
Ông Phan Anh Tú	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đỗ Thành Trung	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Hữu Thụy	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Thành Trung

Tổng Giám đốc

Ngày tháng 11 năm 2018

Số: 3.0006/19/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 11 năm 2018, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Nha Trang



Phan Thị Ngọc Trâm

Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2018-008-1

Nha Trang, ngày 26 tháng 11 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		149.663.398.450	139.501.603.362
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.754.371.615	19.967.449.320
1. Tiền	111		3.754.371.615	9.967.449.320
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.087.300.274	71.327.355.392
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	2.237.227.697	11.298.461.002
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.818.849.395	3.266.541.332
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	59.031.223.182	56.762.353.058
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		79.207.400.544	48.173.473.194
1. Hàng tồn kho	141	V.5	80.216.359.301	48.173.473.194
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.5	(1.008.958.757)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		614.326.017	33.325.456
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	84.903.592	33.325.456
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		77.238.254	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		452.184.171	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		58.165.209.044	58.207.871.908
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		28.897.524.312	29.105.900.364
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	28.799.126.187	28.993.445.364
- Nguyên giá	222		71.822.450.396	69.712.290.615
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.023.324.209)	(40.718.845.251)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	98.398.125	112.455.000
- Nguyên giá	228		281.137.500	281.137.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(182.739.375)	(168.682.500)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		485.805.665	102.090.910
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	485.805.665	102.090.910
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		27.786.889.484	27.786.889.484
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	27.786.889.484	27.786.889.484
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		994.989.583	1.212.991.150
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	994.989.583	1.212.991.150
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		207.828.607.494	197.709.475.270

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		34.336.497.751	12.795.389.968
I. Nợ ngắn hạn	310		34.036.497.751	12.495.389.968
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	7.234.341.298	3.475.840.890
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	5.249.176.981	581.703.853
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.918.928.425	4.450.390.473
4. Phải trả người lao động	314	V.14	965.329.750	3.352.567.839
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a,b	14.782.926.355	88.302.945
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a,b	3.540.710.974	200.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	345.083.968	346.583.968
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		300.000.000	300.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b,c	300.000.000	300.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		173.492.109.743	184.914.085.302
I. Vốn chủ sở hữu	410		173.492.109.743	184.914.085.302
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	146.571.500.000	146.571.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		146.571.500.000	146.571.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	9.933.986.561	9.933.986.561
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	16.986.623.182	28.408.598.741
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.751.448.741	28.408.598.741
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.235.174.441	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		207.828.607.494	197.709.475.270

Lâm Đồng, ngày 19 tháng 11 năm 2018

Phan Anh Tú
Người lập

Phan Anh Tú
Kế toán trưởng



Đỗ Thành Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	16.878.657	30.884.546
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.737.492.958	9.936.564.774
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	-	10.000.000.000
Cộng	<u>3.754.371.615</u>	<u>19.967.449.320</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.200.000.000</i>	<i>1.114.935.356</i>
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ladofoods	1.200.000.000	1.113.711.606
Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng	-	1.223.750
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>1.037.227.697</i>	<i>10.183.525.646</i>
Công ty TNHH W.E.I Việt Nam	-	8.308.777.151
Công ty TNHH Pegas Việt Nam - Chi nhánh Bãi Dài	861.135.648	1.078.984.800
Các khách hàng khác	176.092.049	795.763.695
Cộng	<u>2.237.227.697</u>	<u>11.298.461.002</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>4.818.849.395</i>	<i>3.266.541.332</i>
Công ty TNHH Xây dựng và Môi trường Bảo Minh	2.323.000.000	-
Keller Juices S.R.L Unipersonale	3.151.000	-
Excelsa Chile International SpA	-	875.136.000
Các nhà cung cấp khác	2.492.698.395	2.391.405.332
Cộng	<u>4.818.849.395</u>	<u>3.266.541.332</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>58.727.471.009</i>	<i>-</i>	<i>56.417.471.009</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng	39.575.471.009	-	38.665.471.009	-
Công ty TNHH Ladora Farm Ninh Thuận	19.152.000.000	-	17.752.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>303.752.173</i>	<i>-</i>	<i>344.882.049</i>	<i>-</i>
Các khoản ký quỹ, ký cược	11.500.000	-	11.500.000	-
Tạm ứng	292.252.173	-	329.942.869	-
Bảo hiểm y tế	-	-	3.353.900	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	85.280	-
Cộng	<u>59.031.223.182</u>	<u>-</u>	<u>56.762.353.058</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	26.954.485.001	-	18.226.605.037	-
Công cụ, dụng cụ	1.114.649.338	-	893.540.502	-
Thành phẩm	42.332.302.148	(1.008.958.757)	18.090.323.662	-
Hàng hóa	1.747.791.750	-	1.772.474.000	-
Hàng hóa gửi bán	8.067.131.064	-	9.190.529.993	-
Cộng	80.216.359.301	(1.008.958.757)	48.173.473.194	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	1.008.958.757	-
Số cuối kỳ	1.008.958.757	-

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	33.453.590	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	30.850.002	33.325.456
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	20.600.000	-
Cộng	84.903.592	33.325.456

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thiết kế nhãn Sangria	382.718.700	407.069.040
Tiền thuê đất	285.051.302	289.038.033
Chi phí công cụ, dụng cụ	164.874.758	331.635.872
Chi phí vận chuyển di dời	-	19.687.500
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	-	10.032.955
Các chi phí trả trước dài hạn khác	162.344.823	155.527.750
Cộng	994.989.583	1.212.991.150

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	25.790.046.159	39.067.569.637	4.074.180.819	780.494.000	69.712.290.615
Mua trong kỳ	66.454.565	2.043.705.216	-	-	2.110.159.781
Số cuối kỳ	25.856.500.724	41.111.274.853	4.074.180.819	780.494.000	71.822.450.396
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	6.502.840.757	16.638.950.953	2.153.437.546	148.281.000	25.443.510.256
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.647.466.681	26.762.546.249	3.033.830.252	275.002.069	40.718.845.251
Khấu hao trong kỳ	789.028.206	1.334.745.746	131.083.643	49.621.363	2.304.478.958
Số cuối kỳ	11.436.494.887	28.097.291.995	3.164.913.895	324.623.432	43.023.324.209
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	15.142.579.478	12.305.023.388	1.040.350.567	505.491.931	28.993.445.364
Số cuối kỳ	14.420.005.837	13.013.982.858	909.266.924	455.870.568	28.799.126.187
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình bao gồm văn phòng, nhà xưởng, vật kiến trúc, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản dùng để sản xuất kinh doanh theo danh mục tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 là 26.484.666.102 VND đã được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Lâm Đồng (xem thuyết minh số V.16a).

8. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	281.137.500	168.682.500	112.455.000
Khấu hao trong kỳ		14.056.875	
Số cuối kỳ	281.137.500	182.739.375	98.398.125

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	123.587.065	123.587.065
Xây dựng cơ bản dở dang	102.090.910	260.127.690	362.218.600
Cộng	102.090.910	383.714.755	485.805.665

10. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư vào công ty con. Thông tin về khoản đầu tư vào công ty con như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng ⁽ⁱ⁾	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty TNHH Ladora Farm Ninh Thuận ⁽ⁱⁱ⁾	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ladofoods ⁽ⁱⁱⁱ⁾	7.786.889.484	-	7.786.889.484	-
Cộng	27.786.889.484	-	27.786.889.484	-

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5801186041 ngày 10 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng 15.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký là 15.000.000.000 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500597180 ngày 07 tháng 8 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH Ladora Farm Ninh Thuận 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký là 5.000.000.000 VND.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313257606 ngày 26 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ladofoods 15.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 7.786.889.484 VND, tương đương 51,91% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ladofoods là 7.213.110.516 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty TNHH Ladora Farm Ninh Thuận hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng vườn nho, chưa đi vào hoạt động kinh doanh. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng		
Công ty mẹ cho mượn tiền	10.000.000.000	11.000.000.000
Công ty mẹ thu hồi tiền mượn	9.090.000.000	2.000.000.000
Công ty mẹ cho vay tiền	-	23.000.000.000
Công ty mẹ thu hồi tiền cho vay	-	23.000.000.000
Công ty mẹ thu lãi cho vay	-	538.881.088

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Ladora Farm Ninh Thuận		
Công ty mẹ cho mượn tiền	1.400.000.000	3.900.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ladofoods		
Doanh thu phí thương hiệu phải thu Công ty con	1.090.909.091	1.500.000.000
Công ty mẹ thu phí tư vấn thương hiệu	1.113.711.606	2.200.000.000

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác	7.234.341.298	3.475.840.890
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Minh Đức Tháp Chàm	2.378.319.500	454.597.000
Ông Trương Văn Xin	2.006.111.500	485.090.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công Chi nhánh Miền Trung	-	702.182.810
Các nhà cung cấp khác	2.849.910.298	1.833.971.080
Cộng	7.234.341.298	3.475.840.890

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác	5.249.176.981	581.703.853
Công ty TNHH W.E.I Việt Nam	4.663.081.216	-
Doanh nghiệp tư nhân Hasa	513.480.838	513.480.838
Các khách hàng khác	72.614.927	68.223.015
Cộng	5.249.176.981	581.703.853

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	630.561.329	-	-	(988.125.500)	-	357.564.171
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.080.615.625	-	8.763.945.694	(10.429.948.200)	1.414.613.119	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	2.877.866.012	(2.877.866.012)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	559.177.520	-	808.793.610	(903.828.493)	464.142.637	-
Thuế thu nhập cá nhân	41.227.499	-	104.416.126	(105.470.956)	40.172.669	-
Tiền thuê đất ⁽¹⁾	138.808.500	-	44.396.955	(277.825.455)	-	94.620.000
Cộng	4.450.390.473	-	12.599.418.397	(15.583.064.616)	1.918.928.425	452.184.171

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh rượu dưới 20 độ với thuế suất 35%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.043.968.051	2.494.636.278
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	4.043.968.051	2.494.636.278
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	808.793.610	498.927.256

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng như sau:

<u>Vi trí đất</u>	<u>Diện tích (m²)</u>
- Số 31, 32 Ngô Văn Sở, Phường 9	8.593,00
- Lô 2, 4, 6 điểm Công nghiệp Phát Chi – Xuân Trường	19.258,90
- Xã Trạm Hành	30.220,80

(i) Tiền thuê đất phải nộp trong kỳ bao gồm.

	<u>Số tiền</u>
Tiền thuê đất phải nộp kỳ này	139.016.955
Điều chỉnh tiền thuê đất phải nộp của năm 2017 theo thông báo của Cơ quan thuế	(94.620.000)
Số còn phải nộp	44.396.955

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Phải trả người lao động

Quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>14.782.926.355</i>	<i>88.302.945</i>
Kinh phí công đoàn	93.067.530	25.734.807
Bảo hiểm xã hội	1.663.715	5.268.165
Bảo hiểm y tế	490.600	-
Bảo hiểm thất nghiệp	104.747	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	14.660.831.630	7.020.690
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	26.768.133	50.279.283
Cộng	<u>14.782.926.355</u>	<u>88.302.945</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay ngắn hạn/dài hạn

16a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3.540.710.974</i>	<i>200.000.000</i>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Lâm Đồng ⁽ⁱ⁾	3.440.710.974	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	100.000.000	200.000.000
Cộng	<u>3.540.710.974</u>	<u>200.000.000</u>

Công ty có khả năng trả được khoản vay ngắn hạn.

- ⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Lâm Đồng theo hợp đồng cấp tín dụng số 0034/TDN/18LD ngày 28 tháng 5 năm 2018 kèm hợp đồng cho vay hạn mức số 0034A/TDN/18LD ngày 28 tháng 5 năm 2018 và hợp đồng phát hành thư tín dụng theo hạn mức ngày 28 tháng 5 năm 2018. Hạn mức vay là 30.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất tiền vay trong kỳ là 6,5%/năm.

Hợp đồng vay này được đảm bảo thanh toán bằng thế chấp toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng, bao gồm văn phòng, nhà xưởng, vật kiến trúc, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản dùng để sản xuất kinh doanh (được xác định theo giá trị và danh mục tài sản tại sổ sách báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 có giá trị là 29.941.940.882 VND - xem thuyết minh số V.7); và các quyền, tiền thu được khác ... được mô tả chi tiết tại Hợp đồng thế chấp số 0034/TDN/18C ngày 28 tháng 5 năm 2018.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong kỳ</u>	<u>Số trả nợ gốc vay trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn	-	3.440.710.974	-	3.440.710.974
Vay dài hạn đến hạn trả	200.000.000	-	(100.000.000)	100.000.000
Cộng	<u>200.000.000</u>	<u>3.440.710.974</u>	<u>(100.000.000)</u>	<u>3.540.710.974</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16b. Vay dài hạn

Số dư vay dài hạn Trung Tâm Khuyến Công tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng hỗ trợ và thu hồi kinh phí khuyến công, khoản vay không có tài sản đảm bảo và không có lãi suất.

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	100.000.000	200.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	300.000.000	300.000.000
Cộng	400.000.000	500.000.000

16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	184.972.767	-	184.972.767
Quỹ phúc lợi	161.611.201	(1.500.000)	160.111.201
Cộng	346.583.968	(1.500.000)	345.083.968

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	146.571.500.000	9.933.986.561	20.748.393.290	177.253.879.851
Cổ tức năm 2016 phải trả	-	-	(14.657.150.000)	(14.657.150.000)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	2.911.743.361	2.911.743.361
Số dư cuối kỳ trước	146.571.500.000	9.933.986.561	9.002.986.651	165.508.473.212
Số dư đầu năm nay	146.571.500.000	9.933.986.561	28.408.598.741	184.914.085.302
Cổ tức năm 2017 phải trả	-	-	(14.657.150.000)	(14.657.150.000)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	3.235.174.441	3.235.174.441
Số dư cuối kỳ này	146.571.500.000	9.933.986.561	16.986.623.182	173.492.109.743

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Elmich	74.752.820.000	74.752.820.000
Công ty Cổ phần GTNFoods	51.300.960.000	51.300.960.000
Các cổ đông khác	20.517.720.000	20.517.720.000
Cộng	146.571.500.000	146.571.500.000

Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký là 146.571.500.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.657.150	14.657.150
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.657.150	14.657.150
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.657.150	14.657.150

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 28 tháng 4 năm 2018 của Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2017 với mức 1.000 đồng/cổ phiếu. Tổng số cổ tức sẽ trả ước tính khoảng 14.657.150.000 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, ngoại tệ các loại chỉ có tiền ngoại tệ là 3.448,82 USD (số đầu năm là 4.639,46 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	26.136.266.294	25.905.965.228
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.090.909.091	1.503.372.727
Cộng	<u>27.227.175.385</u>	<u>27.409.337.955</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.10, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ.

3. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm đã bán.

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	65.311.552	43.958.698
Lãi tiền cho vay	-	269.440.544
Cộng	<u>65.311.552</u>	<u>313.399.242</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	28.343.171	300.244.183
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.914	-
Cộng	28.354.085	300.244.183

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.780.000	46.588.000
Chi phí vật liệu, bao bì	3.841.816	34.856.484
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.300.000	-
Chi phí rượu chào hàng khuyến mại	193.485.990	513.849.011
Các chi phí khác	196.311.452	37.362.202
Cộng	410.719.258	632.655.697

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.568.543.590	1.176.786.161
Chi phí công cụ dụng cụ	60.498.230	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.800.000	68.300.000
(Hoàn nhập) Quỹ lương dự phòng	(1.163.097.036)	-
Thuế, phí và lệ phí	44.396.955	327.972.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	189.618.000	-
Các chi phí khác	575.896.422	1.060.067.123
Cộng	1.343.656.161	2.633.125.628

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền cho thuê nhà, cho thuê kho	188.181.816	-
Thu nhập khác	10.325.594	50.007.374
Cộng	198.507.410	50.007.374

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản bị phạt, bị truy thu	1.400.000	5.222.417
Xử lý công nợ	8.117.355	-
Cộng	9.517.355	5.222.417

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	7.234.341.298	-	-	7.234.341.298
Vay và nợ	3.740.710.974	100.000.000	-	3.840.710.974
Các khoản phải trả khác	14.687.599.763	-	-	14.687.599.763
Cộng	25.662.652.035	100.000.000	-	25.762.652.035
Số đầu năm				
Phải trả người bán	3.475.840.890	-	-	3.475.840.890
Vay và nợ	200.000.000	300.000.000	-	500.000.000
Các khoản phải trả khác	57.299.973	-	-	57.299.973
Cộng	3.733.140.863	300.000.000	-	4.033.140.863

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 và ngày 31 tháng 3 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 3 năm 2018.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.754.371.615	-	19.967.449.320	-
Phải thu khách hàng	2.237.227.697	-	11.298.461.002	-
Các khoản phải thu khác	58.738.971.009	-	56.428.971.009	-
Cộng	64.730.570.321	-	87.694.881.331	-

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	7.234.341.298	3.475.840.890
Vay và nợ	3.840.710.974	500.000.000
Các khoản phải trả khác	14.687.599.763	57.299.973
Cộng	25.762.652.035	4.033.140.863

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lâm Đồng, ngày 19 tháng 11 năm 2018



Phan Anh Tú
Người lập biểu



Phan Anh Tú
Kế toán trưởng



Đỗ Thành Trung
Tổng Giám đốc